

Số: /SLĐT BXH-BTXHTE  
V/v Báo cáo kết quả thực hiện công tác  
quản lý nhà nước và chính sách dân tộc  
năm 2023 nhiệm vụ năm 2024

Quảng Trị, ngày tháng 11 năm 2022

Kính gửi: Ban Dân tộc - Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện Công văn số 47/HĐND-DT ngày 09/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc báo cáo phục vụ công tác thẩm tra các nội dung trình kỳ họp thứ 21 HĐND tỉnh, Sở Lao động-Thương binh và Xã hội báo cáo kết quả về công tác quản lý nhà nước và thực hiện chính sách dân tộc năm 2023, nhiệm vụ năm 2024 do Ngành phụ trách như sau:

## I. Kết quả đạt được

### 1. Công tác chỉ đạo điều hành

Tham mưu UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, tổ chức thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 nói chung và năm 2023 nói riêng như:

- Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022<sup>1</sup>; Giao chỉ tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo năm 2023<sup>2</sup>;

- Thay đổi, bổ sung thành viên Ban chỉ đạo thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia (MTQG) tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025<sup>3</sup>;

- Ban hành Quy trình quản lý, vận hành và quy trình bảo trì, mức chi phí bảo trì đối với các công trình được đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị<sup>4</sup>; Hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 99/2022/MQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND tỉnh Quảng Trị quy định nội dung, mức hỗ trợ trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị<sup>5</sup>; Ủy quyền thẩm định/ phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết trong hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2025<sup>6</sup>; Quy định cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh Quảng Trị<sup>7</sup>.

<sup>1</sup> Quyết định số 131/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 của UBND tỉnh về Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

<sup>2</sup> Quyết định số 115/QĐ-UBND ngày 16/01/2023 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023.

<sup>3</sup> Quyết định số 706/QĐ-UBND ngày 12/4/2023 của UBND tỉnh.

<sup>4</sup> Quyết định số 472/QĐ-UBND ngày 21/3/2023 của UBND tỉnh.

<sup>5</sup> Quyết định số 939/QĐ-UBND ngày 15/5/2023 của UBND tỉnh.

<sup>6</sup> Quyết định số 1142/QĐ-UBND và 1143/QĐ-UBND ngày 05/6/2023 của UBND tỉnh.

<sup>7</sup> Quyết định số 17/2023/QĐ-UBND ngày 12/7/2023

- Ban hành các Kế hoạch thực hiện Chương trình năm 2023/Kiểm tra, giám sát/Tổ chức đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện Chương trình giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị<sup>1</sup>; Kế hoạch rà soát hộ nghèo, cận nghèo; xác định hộ làm nông, lâm, ngư nghiệp có mức sống trung bình<sup>2</sup>; Kế hoạch vốn thực hiện Chương trình năm 2024<sup>3</sup>.

## **2. Kết quả thực hiện**

### **2.1. Công tác giảm nghèo bền vững đối với đồng bào dân tộc thiểu số:**

Về phân bổ vốn Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo:

- Trung ương phân bổ 228.492 triệu đồng<sup>4</sup> (vốn đầu tư phát triển 79.518 triệu đồng, vốn sự nghiệp 148.974 triệu đồng), trong đó:

+ Huyện ĐaKông 104.658 triệu đồng (vốn ĐTPT 41.166 triệu, vốn sự nghiệp 63.492 triệu đồng);

+ Huyện Hướng Hóa 16.781 triệu đồng (vốn ĐTPT 3.000 triệu đồng, vốn sự nghiệp 13.781 triệu đồng);

+ Huyện Gio Linh 14.538 triệu đồng (vốn ĐTPT 5.500 triệu đồng, vốn sự nghiệp 9.038 triệu đồng);

+ Huyện Vĩnh Linh 9.545 triệu đồng (vốn ĐTPT 2.500 triệu đồng, vốn sự nghiệp 7.045 triệu đồng);

+ Huyện Cam Lộ 6.929 triệu đồng (vốn ĐTPT 3.012 triệu đồng, vốn sự nghiệp 3.917 triệu đồng).

- Ngân sách tỉnh bố trí đối ứng 21.154 triệu đồng, trong đó bố trí vùng DTTS và miền núi: 6.500 triệu đồng

Thông qua Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững và các Chương trình, chính sách giảm nghèo, tỷ lệ hộ nghèo giảm hàng năm đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh đề ra (1-1,5%/năm).

Đầu năm 2023, toàn tỉnh có 16.512 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 9,14% và 10.449 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 5,79% so với hộ dân cư. Toàn tỉnh có 21.399 hộ đồng bào dân tộc thiểu số, trong đó có 11.384 hộ nghèo, chiếm 53,20% số hộ DTTS và chiếm tỷ trọng 68,94% trong tổng số hộ nghèo; Hộ cận nghèo DTTS chiếm 14,38% hộ DTTS với 3.070 hộ và chiếm tỷ trọng 29,38% trong tổng số hộ cận nghèo.

Theo kết quả rà soát sơ bộ cuối năm 2023, toàn tỉnh còn 14.333 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 7,90% (giảm 1,24% so với đầu năm 2023) và 10.052 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 5,54% so với tổng hộ dân cư (giảm 0,25% so với đầu năm 2023).

Ước cuối năm 2023, hộ nghèo DTTS giảm 1.141 hộ, theo đó toàn tỉnh còn 10.243 hộ nghèo DTTS chiếm 47,60% so với hộ DTTS (giảm 5,6% so với đầu năm

<sup>1</sup> Kế hoạch số 129/KH-UBND ngày 29/5/2023; số 160/KH-UBND ngày 25/7/2023

<sup>2</sup> Kế hoạch số 180/KH-UBND ngày 30/8/2023

<sup>3</sup> Kế hoạch số 167/KH-UBND ngày 07/8/2023; Công văn số 4716/UBND-KGVX ngày 15/9/2023

<sup>4</sup> Bao gồm 6.448 triệu đồng theo Quyết định số 2068 ngày 08/12/2021 và Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách trung ương năm 2022 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia.

2023); Hộ cận nghèo DTTS chiếm 15,45% với 3.325 hộ tăng 1,10% so với đầu năm. Số hộ cận nghèo DTTS tăng chủ yếu do số hộ nghèo chuyển sang

## **2.2. Công tác đào tạo nghề cho lao động dân tộc thiểu số:**

Năm 2023, kinh phí dạy nghề thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi đã phân bổ 25.404 triệu đồng, trong đó các huyện có đồng bào DTTS được phân bổ 17.710 triệu đồng (Chương trình MTQG GN: 6.402 triệu đồng, Chương trình phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và miền núi: 11.308 triệu đồng).

Trong năm, đã tuyển sinh và đào tạo nghề: 7.748 học viên<sup>1</sup>; trong đó học viên DTTS 2.686 người; ước tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2023 là 72,66% đạt kế hoạch đề ra.

## **2.3. Công tác tạo việc làm cho lao động dân tộc thiểu số:**

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững phân bổ 1.150 triệu đồng để thực hiện nội dung hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài, trong đó huyện ĐaKrông được phân bổ 833 triệu đồng (theo Tiểu dự án 2 Dự án 4, Quyết định 90/QĐ-TTg); phân bổ 9.870 triệu đồng thực hiện Tiểu dự án 3 Dự án 4 – Hỗ trợ việc làm bền vững (vốn ĐTPT 3.706 triệu đồng; vốn sự nghiệp 6.164 triệu đồng); các huyện vùng đồng bào DTTS và miền núi được phân bổ 3.555 triệu đồng, trong đó: vốn ĐTPT 566 triệu đồng phân bổ cho huyện ĐaKrông để hoàn thiện sàn giao dịch việc làm

Chỉ đạo Trung tâm dịch vụ việc làm nâng cao chất lượng tư vấn, giới thiệu việc làm và hoạt động của các phiên giao dịch việc làm cố định, lưu động nhằm tạo điều kiện cho người lao động, trong đó có người dân tộc thiểu số có nhiều phương án lựa chọn việc làm, đơn vị phù hợp với khả năng của mình; Chỉ đạo tăng cường nâng cao chất lượng làm việc Văn phòng đại diện phía tây Sàn giao dịch vệ tinh Hướng Hóa nhằm tư vấn hỗ trợ cho đồng bào dân tộc thiểu số trong việc tìm kiếm việc làm và xuất khẩu lao động.

Hướng dẫn nghiệp vụ việc làm cho Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội cấp huyện để tham mưu UBND các huyện có người dân tộc thiểu số chỉ đạo các cơ quan, ban, ngành nhất là cơ quan cấp xã tổ chức thực hiện tốt công tác việc làm trên địa bàn, tạo việc làm cho người lao động dân tộc thiểu số.

Tăng cường chỉ đạo nghiệp vụ đối với các Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội các huyện có lao động là người dân tộc thiểu số trong công tác giải quyết việc làm cho người lao động nhằm thực hiện có hiệu quả trong việc vận động người lao động tham gia làm việc cũng như doanh nghiệp nhận lao động vào làm việc.

Ước giải quyết việc làm 13.604 lượt lao động<sup>2</sup> (đạt 113,4%/KH); trong đó lao động là người dân tộc thiểu số 2.916 lao động người DTTS.

<sup>1</sup> Cao đẳng 107 học viên; Trung cấp: 1.130 học viên; Sơ cấp và đào tạo thường xuyên dưới 03 tháng 6.511 học viên

<sup>2</sup> Làm việc trong tỉnh: 5.629 lượt lao động; làm việc ngoài tỉnh: 5.456 lượt lao động; Làm việc ở nước ngoài: 2.519 lao động, trong đó đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng: 2.496 lao động (người DTTS: 45 người), chia

## 2.4. Thực hiện chính sách an sinh xã hội

Sở Lao động-Thương binh và Xã hội tham mưu UBND tỉnh cấp trên 1.065 tấn gạo hỗ trợ 70.871 lượt đồng bào vùng DTTS và miền núi dịp Tết Nguyên Đán.

Cấp 74.525 thẻ bảo hiểm y tế cho người DTTS đang sinh sống tại vùng có điều kiện KT-XH khó khăn, với tổng kinh phí trên 58,93 tỷ đồng.

Thực hiện Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, đến 15/11/2023 toàn tỉnh có 47.221 đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội tại cộng đồng (tăng 1179 đối tượng so với cùng kỳ 2022), với tổng số kinh phí chi trả 25.160 triệu đồng/tháng; trong đó, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: 11.153 đối tượng, tăng 567 người so với cùng kỳ năm 2022.

## II. Những khó khăn, hạn chế:

- Các văn bản quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương thường xuyên sửa đổi, bổ sung nên việc triển khai ở các địa phương gặp lúng túng, ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện dự án.

- Các Bộ ngành Trung ương chậm hoặc chưa hướng dẫn và giải đáp, tháo gỡ kịp thời như: các nội dung về đấu thầu, mua sắm vật tư, con giống phục vụ dự án về giảm nghèo, về phương án hỗ trợ; định mức chi cho từng đối tượng cụ thể như hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo; dự án, phương án cần có thành viên làm kinh tế giỏi... trong khi các hộ làm kinh tế giỏi lại không nghèo. Tại một số địa phương có các dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất lĩnh vực phi nông nghiệp chưa có định mức kinh tế kỹ thuật dẫn đến khó khăn khi thực hiện.

- Đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị, việc kêu gọi doanh nghiệp, hợp tác xã làm đơn vị chủ trì liên kết còn gặp nhiều khó khăn, nhất là ở các địa phương miền núi.

- Mặc dù tỷ lệ hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 5,5%, tuy nhiên vẫn chiếm trên 47% số hộ đồng bào DTTS; Tỷ trọng hộ nghèo đồng bào dân tộc thiểu số trong tổng số hộ nghèo tăng 2,52% thể hiện sự chênh lệch về khoảng cách của vùng miền, cũng như sự khó khăn trong công tác giảm nghèo ở vùng dân tộc miền núi.

- Thiếu kỹ năng lao động, thiếu kiến thức sản xuất, kinh doanh vẫn là các nguyên nhân chính của đa số hộ nghèo tại vùng đồng bào DTTS vấn đề này thể hiện trình độ sản xuất của đồng bào DTTS còn thấp, khó tham gia vào thị trường lao động-việc làm.

- Năng lực quản lý, tổ chức triển khai thực hiện tại các địa phương chưa đồng đều mặc dù cùng một cơ chế thực hiện. Cán bộ làm công tác giảm nghèo ở cơ sở đều là kiêm nhiệm và thường xuyên thay đổi đã ảnh hưởng đến công tác tham mưu chỉ đạo, điều hành trong thực hiện nhiệm vụ giảm nghèo ở địa phương.

### III. Nhiệm vụ, Kế hoạch năm 2024

1. Tiếp tục đẩy mạnh phổ biến, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của nhà nước nhằm tạo sự thống nhất về nhận thức, tạo sự đồng thuận cao trong các ngành, các cấp và đồng bào dân tộc thiểu số để thực hiện có hiệu quả các chính sách giảm nghèo, đào tạo nghề, tạo việc làm cho nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Thực hiện rà soát lại những chính sách đặc thù ở địa phương, xây dựng một số chính sách riêng cho từng địa phương để xây dựng và phát triển thương hiệu các hàng hóa nông sản mang tính chủ lực và thế mạnh có tính đặc trưng vùng miền của địa phương; phát triển ngành nghề tiểu thủ công nghiệp; khuyến khích thanh niên tham gia học nghề để giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động.

3. Tiếp tục chỉ đạo các địa phương, cơ sở giáo dục nghề nghiệp quan tâm, ưu tiên về tuyển sinh và tổ chức đào tạo nghề cho lao động là người dân tộc thiểu số.

4. Tăng cường công tác khảo sát, thống kê nhu cầu học nghề nhằm đẩy mạnh công tác đào tạo nghề tìm việc làm cho đồng bào dân tộc thiểu số gắn với giải quyết việc làm.

5. Phối hợp với các Hội, Đoàn thể, Doanh nghiệp... đẩy mạnh việc tổ chức thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế nhằm thay đổi tư duy, tập quán sản xuất, kinh doanh của đồng bào DTTS.

6. Thực hiện cơ chế lồng ghép các nguồn vốn để nâng cao hiệu quả thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia tại vùng đồng bào DTTS và miền núi.

7. Tiếp tục thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách an sinh xã hội đối với đồng bào DTTS nói riêng và người dân dân ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

8. Phối hợp với MTTQ, các tổ chức, doanh nghiệp thực hiện Đề án 197/ĐA-UBND-MTTQ để giải quyết cơ bản về vấn đề nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo vùng đồng bào DTTS.

Sở Lao động- Thương binh và Xã hội báo cáo./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Ban Dân tộc tỉnh;
- GD, các PGD Sở;
- Phòng LĐ-VL, GDNN-BĐG;
- Văn phòng;
- Lưu: VT, BTXHTE.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Bùi Văn Thắng**